

Bản án số: 04/2022/HS-ST
Ngày: 01-3-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁNNHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Thắng;
Ông Đặng Quang Hải.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trương Ngọc Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2022, tại Phòng xét xử số 01 - Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 05/2022/TLST-HS ngày 28 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 02 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Phạm Viết T, sinh ngày 20/5/1990, tại Quảng Trị; nơi cư trú: Khóm D, thị trấn L, huyện H, tỉnh Quảng Trị; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 08/12; con ông Phạm Viết T, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị X, sinh năm: 1971; vợ: Nguyễn Thị N, sinh 1992; có 02 người con (lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2016).

Tiền án. 01 (tiền án). Ngày 19/6/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa xử phạt 10.000.000 đồng về tội “Vận chuyển hàng cấm” theo khoản 1 Điều 191 BLHS. Bị cáo chưa thi hành hình phạt.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/6/2021 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Trị; có mặt.

2. Nguyễn Sông L, sinh ngày 26/9/1983, tại Quảng Trị; nơi cư trú: Khóm D, thị trấn L, huyện H, tỉnh Quảng Trị; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Thợ cơ khí; Trình độ học vấn: 09/12; con ông Nguyễn Minh Q, sinh năm 1954 và bà Lê Thị V, sinh năm: 1959; vợ: Nguyễn Thị T, sinh 1988; có 03 người con (lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2019).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/6/2021 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Trị; có mặt.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Võ Quốc M, sinh năm 1992; nơi cư trú: Khóm D, thị trấn L, huyện H, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

2. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1992; nơi cư trú: Khóm D, thị trấn L, huyện H, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

3. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1988; nơi cư trú: Khóm D, thị trấn L, huyện H, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

4. Chị Đào Thị Trà M, sinh năm 2001; nơi cư trú: Khóm V, thị trấn L, huyện H, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 27/6/2021 một người đàn ông (không rõ lai lịch, địa chỉ) gọi điện thoại đặt vấn đề thuê Phạm Viết T dẫn đường đưa 06 người phụ nữ xuất cảnh trái phép sang Lào và sẽ trả tiền công khi đưa người qua Lào, T đồng ý. Khoảng 14 giờ ngày 28/6/2021, T đến nhà Nguyễn Sông L đặt vấn đề nhờ L phụ giúp cùng mình đưa người trái phép sang Lào để hưởng tiền công thì được L đồng ý. Khoảng 20 giờ cùng ngày, T điện thoại vào số điện thoại 0564634706 đã liên lạc với T trước đó thì gặp một người phụ nữ, người này yêu cầu T đến khách sạn Đ ở thị trấn L đón 06 người phụ nữ sang Lào, thỏa thuận tiền công sẽ trả cho T là 2.000.000 đồng. Thỏa thuận xong T điều khiển xe mô tô 74K1-065.64 từ nhà mình ở khóm D, thị trấn L đến khách sạn Đ gặp Hoàng Thị Kiều T sinh năm 2004 trú tại: Thôn T, xã P, thị xã N, tỉnh Yên Bái; Vì Thị D, sinh năm 2002 trú tại: Bản H, xã P, thị xã N, tỉnh Yên Bái; Hoàng Thị D, sinh năm 2000 trú tại: Bản 1 N, xã K, huyện B, tỉnh Lào Cai; Vàng Thị M, sinh năm 2002 trú tại: Thôn N, xã N, huyện S, tỉnh Lào Cai; Hoàng Thị Ngọc Q, sinh năm 2000 trú tại: Thôn C, xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái và Lý Thị Mai L sinh năm 2002 trú tại: Thôn K, xã T, huyện Y, tỉnh Yên Bái đang ngồi đợi ở phòng khách của khách sạn. T dẫn 06 người phụ nữ này chuẩn bị đồ đạc rồi điều khiển xe quay về nhà.

Khoảng 22 giờ cùng ngày, T quay lại khách sạn Đ chở T, D, D, M, Q và L chia làm 03 chuyến, mỗi chuyến chở 02 người đến nhà Nguyễn Sông L. Tại đây, T trao đổi việc đưa 06 người phụ nữ này sang Lào rồi dùng xe mô tô chở L ra khu vực cầu Cống đường vành đai thuộc khóm D đứng đợi, còn T quay lại nhà L chở 02 lần 06 người phụ nữ trên đến giao cho L dẫn xuống bờ sông S. Sau đó, T về nhà lấy đồ rửa vợ là

Nguyễn Thị N đi kích điện cá mục đích là chở 06 người phụ nữ sang sông S xuất cảnh trái phép sang Lào, N không biết nên đi theo. Khi đến chỗ L cùng 06 người phụ nữ đang ẩn nấp thì T thấy L cùng 06 người bị lực lượng Biên phòng phát hiện bắt giữ nên chèo thuyền tránh đi nơi khác. Sau đó lực lượng chức năng đã tiến hành bắt giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Phạm Viết T

Cáo trạng số: 06/CT-VKS-P1 ngày 26/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị đã truy tố các bị cáo Phạm Viết T và Nguyễn Sông L về tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*” theo điểm c khoản 2 Điều 348 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị giữ nguyên Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 348; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS xử phạt bị cáo Phạm Viết T từ 05 năm đến 05 năm 03 tháng tù.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 348, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 54 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Sông L từ 03 năm 06 tháng tù đến 04 năm tù.

Do bị cáo T và L không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu IteI; 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia; ½ giá trị xe mô tô biển kiểm soát 74K1-065.64 nhãn hiệu Wae @.

Trả lại cho anh Võ Quốc M: 01 chiếc đồ bằng kim loại; trả lại cho bị cáo Nguyễn Sông L và chị Nguyễn Thị T: 01 xe mô tô BKS 76F6-3013; trả lại cho chị Nguyễn Thị N ½ giá trị chiếc xe mô tô biển kiểm soát 74K1-065.64 nhãn hiệu Wae @.

Đối với 01 USB do chị Đào Thị Trà M nhân viên khách sạn Đ giao nộp cần lưu theo hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xét lời khai nhận hành vi của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

Vì mục đích vụ lợi nên ngày 28/6/2021 các bị cáo Phạm Viết T và Nguyễn Sông L đã tổ chức cho 06 người gồm: Hoàng Thị Kiều T, Vi Thị D, Hoàng Thị D, Vàng Thị M, Hoàng Thị Ngọc Q và Lý Thị Mai L xuất cảnh trái phép sang Lào để nhận tiền công.

Hành vi nêu trên của các bị cáo T và L đã cấu thành tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 348 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị truy tố là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Các đối tượng Hoàng Thị Kiều T, Vi Thị D, Hoàng Thị D, Vàng Thị M, Hoàng Thị Ngọc Q và Lý Thị Mai L có hành vi xuất cảnh trái phép. Cơ quan An ninh điều tra đã xác minh, làm rõ và đã xử phạt hành chính.

Anh Võ Quốc M là người cho T mượn đồ nhưng không biết T sử dụng phương tiện phạm tội; chị Nguyễn Thị N (vợ của T) đi theo nhưng không biết hành vi của T đưa người xuất cảnh trái phép nên không xem xét xử lý.

Về người sử dụng số điện thoại số 0564634706, 0967200555 thuê T chở người xuất cảnh trái phép. Cơ quan điều tra đã điều tra xác minh nhưng không đủ thông tin để xác minh làm rõ, khi nào đủ cơ sở sẽ xử lý sau.

[3]. Hành vi phạm tội của các bị cáo rất nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất nhập cảnh ở biên giới Việt Nam, mà còn xâm phạm đến hoạt động bình thường, đúng đắn của các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội, làm giảm hiệu quả và hiệu lực quản lý hành chính Nhà nước trong lĩnh vực xuất nhập cảnh ở Việt Nam. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình pháp luật nghiêm cấm nhưng vì mục đích vụ lợi đã bất chấp, tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép. Vì vậy, cần xét xử các bị cáo mức án thật nghiêm mới có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4]. Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án HĐXX thấy rằng:

Bị cáo Phạm Viết T là người có vai trò cao hơn là người khởi xướng và là người thực hành tích cực. Bị cáo Nguyễn Sông L tham gia với giúp sức cho T nên vai trò thấp hơn.

[5]. Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo T phải chịu thêm tình tiết tăng nặng “*tái phạm*” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS. Do có 01 tiền án và chưa được xóa án tích.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Nguyễn Sông L được hưởng tình tiết giảm nhẹ “*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo T chỉ được hưởng tình tiết giảm nhẹ “*thành khẩn khai báo*”.

Tại phiên tòa bị cáo L khai bố, mẹ bị cáo có công và gia đình thuộc diện khó khăn; bị cáo T khai trước đây có tham gia quân ngũ nhưng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh nên HĐXX không có căn cứ để xem xét.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội vì vậy cần cách ly ra khỏi xã hội một thời gian trong đó bị cáo T là người có 01 tiền án, vai trò khởi xướng nên phải chịu hình phạt cao hơn; bị cáo L tham gia với vai trò giúp sức và chưa có tiền án, tiền sự có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên cần áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 BLHS để xử phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt liên kề.

Hành vi của các bị cáo thuộc trường hợp “*phạm tội chưa đạt đã hoàn thành*” quy định tại Điều 15 BLHS. Bởi vì, các bị cáo bị phát hiện khi đang ẩn nấp tại bờ sông Sê Pôn chưa đưa người qua biên giới thì bị lực lượng chức năng phát hiện, bắt giữ nên phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm chưa đạt quy định tại Điều 57 BLHS.

[6]. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia; 01 điện thoại ITEL của các bị cáo do sử dụng vào hành vi phạm tội.

Trả lại cho anh Võ Quốc M: 01 chiếc đồ bằng kim loại do không liên quan đến hành vi phạm tội.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Sông L và chị Nguyễn Thị T: 01 xe mô tô BKS 76F6-3013. Do không liên quan đến hành vi phạm tội

Đối với xe mô tô BKS 74K1 065.64 là tài sản chung của vợ chồng, bị cáo T sử dụng vào việc phạm tội chị Na (vợ bị cáo) không biết nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe và trả lại cho chị Nguyễn Thị N $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe.

Đối với 01 USB do chị Đào Thị Trà M nhân viên khách sạn Đ giao nộp cần lưu theo hồ sơ vụ án.

[7]. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo do các bị cáo không có thu nhập ổn định.

[8]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

[9]. Ra Quyết định tạm giam các bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phạm Viết T, Nguyễn Sông L phạm tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*”

2. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 348; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 15; Điều 57 BLHS, xử phạt bị cáo: **Phạm Viết T: 05** (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 29/6/2021.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 15; Điều 57 BLHS, xử phạt bị cáo: **Nguyễn Sông L: 03** (ba) năm **06** (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 29/6/2021.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106 BLTTHS.

* *Tịch thu sung ngân sách Nhà nước:*

- $\frac{1}{2}$ giá trị tại thời điểm định giá tài sản: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wae @, màu sơn: Đen bạc, biển kiểm soát: 74K1-065.64, số khung:

RLHJA3917LY029412, số máy: JA 39E-1363718, xe đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong (kèm theo 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 005241, tên chủ xe: Phạm Viết T, địa chỉ: Xuân Lâm, Triệu Nguyên, Đa Krông, biển số đăng ký: 74K1-065.64, do Công an huyện Đakrông cấp ngày 18/02/2020).

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Itel, màu đen, bàn phím số, model it2163, số IMEI1: 358408130033981, số IMEI2: 358408130033999, bên trong có 01 thẻ sim ký hiệu 4G VIETTEL số 898404800005382018, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, bàn phím số, số IMEI1: 356819634524105, số IMEI2: 356819636524103, bên trong có 01 thẻ sim số 8984048000057726948, máy đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng bên trong.

** Chuyển lưu theo hồ sơ vụ án:*

01 USB nhãn hiệu Kingston, ký hiệu DT101 G2/4GB, USB đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong;

** Trả lại cho chị Nguyễn Thị N: ½ giá trị tại thời điểm định giá tài sản: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wae @, màu sơn: Đen bạc, biển kiểm soát: 74K1-065.64, số khung: RLHJA3917LY029412, số máy: JA 39E-1363718, xe đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong (kèm theo 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 005241, tên chủ xe Phạm Viết T, địa chỉ: Xuân Lâm, Triệu Nguyên, Đa Krông, biển số đăng ký: 74K1-065.64, do Công an huyện Đakrông cấp ngày 18/02/2020).*

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Sông L và chị Nguyễn Thị T: 01 xe mô tô biển kiểm soát 74F6-3013, màu sơn; xanh đen, lốc máy ghi NAGAKI KOREA, dán nhãn Wae @, số khung VDGWCH013D...7 (phần ... là những ký hiệu chưa xác định được) số máy: VDG1P52FMH022337, mang xe bên phải ở phần dưới bị bể, dè trước xe bị bể phần dưới, phần nhựa phía trên đèn sau xe không có, không có hộp che xích, xe đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng bên trong xe.*

(Vật chứng trên hiện có tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/02/2022).

Trả lại cho anh Võ Quốc M: 01 chiếc đòn bằng kim loại, nẹp gỗ, dài 5,9m, nơi rộng nhất 1,05m, kèm theo đòn có 01 mái chèo bằng gỗ dài 1,17m, đòn đã qua sử dụng.

(Hiện anh Võ Quốc M đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/9/2021 giữa Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Quảng Trị và anh Võ Quốc M)

4. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Phạm Viết T, Nguyễn Sông L mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo có quyền kháng cáo bản án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo những nội dung liên quan đến mình; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND CC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Công an tỉnh Quảng Trị; (ANĐT)
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị;
- Các bị cáo;
- Người TGTT;
- Lưu: Hồ sơ, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hà

